PHỤ LỤC SỐ 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Bình Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3701815415
- Vốn điều lệ (VĐL): 106.883.630.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 106.883.630.000 đồng
- Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: 0274.3674955
- Website: http://cpnonglamnghiepbinhduong.vn/
- Mã cổ phiếu: AFC

* Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Nông lâm nghiệp Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương (100% vốn nhà nước). Cụ thể, các mốc thời gian:

Ngày 03/08/2016, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

Công ty giao dịch chứng khoán lần đầu trên sàn giao dịch Upcom ngày 12/6/2017.

Công ty đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh ngày 12/7/2019.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

+ Trồng và khai thác cây điều, cây cao su và cây lâu năm khác.

+ Cho thuê chuồng trại chăn nuôi dưới tán rừng.

+ Thu mua nông sản (mủ cao su).

- Địa bàn kinh doanh: tỉnh Bình Dương.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng quản trị

+ Ban kiểm soát

+ Ban điều hành

+ Các đơn vị/ bộ phận chuyên môn

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ tổ chức công ty:

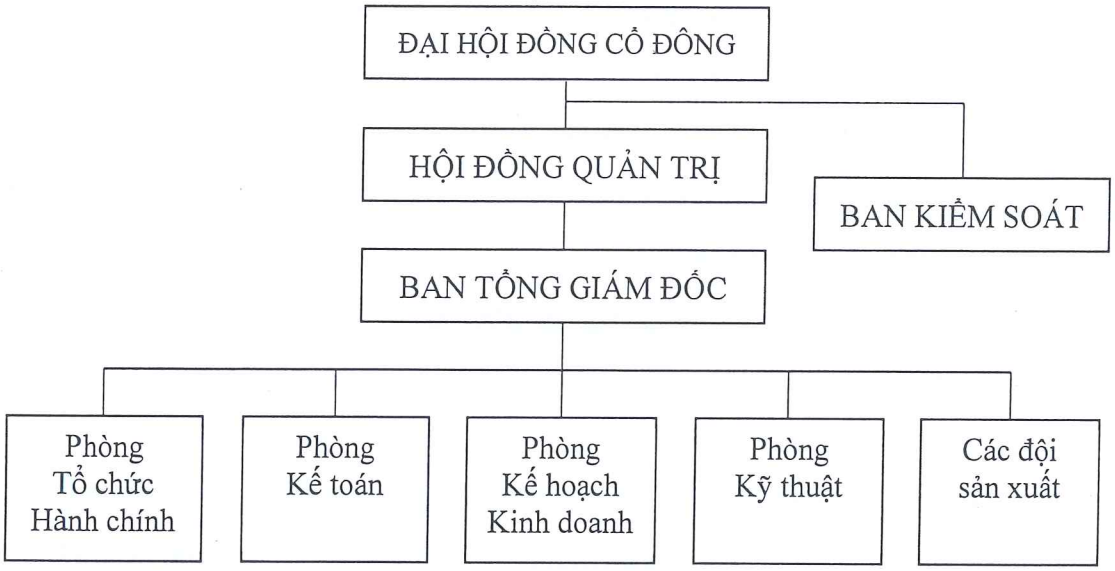

- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Duy trì, ổn định và khai thác lợi ích từ những lĩnh vực, ngành nghề đã đầu tư (trồng trọt: cao su, điều; chăn nuôi: gia súc, gia cầm).

+ Thâm canh, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ đối với vườn cây kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng.

+ Thu hút đội ngũ người lao động có tay nghề vào làm việc ổn định trong công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tìm kiếm nguồn giống chất lượng cao, cơ cấu lại vườn cây kinh doanh đến thời kỳ thanh lý (cao su, điều).

+ Đầu tư phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng công nghệ cao dưới tán cây rừng trồng nhằm tận dụng lợi thế về không gian và sản phẩm phụ hỗ trợ trồng trọt.

5. Các rủi ro

- Thiên tai, dịch bệnh:

+ Gió lốc làm gãy đổ cây trồng (cao su) vào mùa mưa, thiệt hại giảm sản lượng vườn cây.

+ Dịch hại trên cây cao su (bệnh nấm hồng, phấn trắng, khô miệng cạo). Các dịch bệnh trên làm giảm sản lượng vườn cây, tăng chi phí, dẫn đến giảm lợi nhuận.

- Quá trình công nghiệp hóa những địa bàn lân cận, tác động trực tiếp đến nguồn cung cấp lao động cho công ty (đa số lao động trực tiếp có trình độ thấp, sức khỏe hạn chế, không có khả năng xin vào làm công nhân các khu công nghiệp).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Tổng doanh thu thực hiện trong năm: 63.170 triệu đồng.
- Tổng chí phí: 47.793 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 15.377 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Văn Phương	Tổng giám đốc
2	Vũ Xuân Chiều	Phó Tổng giám đốc
3	Đỗ Quang Trường	Phó Tổng giám đốc
4	Quách Thế Vương	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

2.1. Tổng Giám đốc – Bùi Văn Phương

Họ và tên : **BÙI VĂN PHƯƠNG**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 23/02/1966

Số CMND	:	280379064
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 290 Phạm Ngọc Thạch, Khu phố 5, Phường Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại	:	0274.3674955
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế kỹ thuật
Chức vụ tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	:	4.900 cổ phần, tương ứng với 0,046% VĐL Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.
Số lượng cổ phiếu của tổ chức/người có liên quan nắm giữ	:	399.935 cổ phần, tương đương với 3,74% VĐL Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. - Vợ: bà Trần Thanh Thúy (CMND số 280720435 cấp ngày cấp 03/08/2009 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 500 cổ phần, tương đương với 0,005% Vốn điều lệ Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. - Con trai: ông Bùi Quang Hải (CMND số 281109824 cấp ngày 09/08/2011 tại CA tỉnh Bình Dương) sở hữu 398.735 cổ phần, tương đương với 3,731% VĐL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. - Con gái: bà Bùi Thị Diệu Hằng (CMND số 280916848 cấp ngày 11/12/2013 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 400 cổ phần, tương đương với 0,004% VĐL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. - Con rể: ông Đặng Ngọc Duy (CMND số 221145456 cấp ngày 25/09/2013 tại CA tỉnh Phú Yên) sở hữu 300 cổ phần, tương đương với 0,003% VĐL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	:	Không có

2.2. Phó Tổng Giám đốc – Vũ Xuân Chiều

Họ và tên	:	**VŨ XUÂN CHIỀU**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/03/1965
Số CMND	:	281275566
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Điện thoại	:	0274.3674955
Địa chỉ thường trú	:	Kp 3, Phường Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế- Kỹ thuật
Chức vụ tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	:	3.700 cổ phần, tương ứng với 0,035% VĐL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.
Số lượng cổ phiếu của tổ chức /người có liên quan nắm giữ	:	0 cổ phiếu
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	:	Không có

2.3. Phó Tổng Giám đốc – Đỗ Quang Trường

Họ và tên	:	**ĐỖ QUANG TRƯỜNG**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	15/03/1963
Số CMND	:	281187769
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Điện thoại	:	0274.3674955
Địa chỉ thường trú	:	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư lâm nghiệp.
Chức vụ tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không có
Số cổ phần nắm giữ:	:	3.970 cổ phần, tương ứng với 0,037% VĐL Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.
Số lượng cổ phiếu của tổ chức /người có liên quan nắm giữ	:	230 cổ phần, tương đương với 0,002% VĐL Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. - Vợ: bà Trần Thị Minh Khánh (CMND số 280414197 cấp ngày 05/11/2016 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 120 cổ phần, tương đương với 0,001% VĐL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. - Con trai: ông Đỗ Quang Vinh (CMND số 281209418, cấp ngày 16/07/2015 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 110 cổ phần, tương đương với 0,001% VĐL Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	:	Không có

2.4. Kế toán trưởng – Quách Thế Vương

Họ và tên	:	**QUÁCH THẾ VƯƠNG**
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	02/08/1986
Số CMND	:	280861302
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Ấp Bến Giảng, xã Phú An, Tx. Bến Cát, Bình Dương
Điện thoại	:	0274.3674955
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân QTKD, Cử nhân Kế toán.
Chức vụ tại Công ty	:	Kế toán trưởng Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Không có.

Số cổ phần nắm giữ:	:	1.090 cổ phần, tương ứng với 0,01% VĐL Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.
Số lượng cổ phiếu của tổ chức/người có liên quan nắm giữ	:	Mẹ: bà Trịnh Thị Hanh (CMND số 280462454, cấp ngày 07/09/2006 tại Công an tỉnh Bình Dương) sở hữu 110 cổ phiếu, tương đương với 0,001% VĐL của Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	:	Không có

- Những thay đổi trong ban điều hành: không có.

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

TT	Trình độ	Số LĐ tại ngày 01/01	Tỷ lệ %	Số LĐ tại ngày 31/12	Tỷ lệ %
I	**Phân loại theo giới tính**	**32**	**100**	**30**	**100**
1	Nam	27	84	23	77
2	Nữ	5	16	7	23
II	**Phân loại theo trình độ**	**32**	**100**	**30**	**100**
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	11	34	12	40
2	Trình độ Cao đẳng	02	6	3	10
3	Trình độ Trung cấp, sơ cấp	03	9	2	7
4	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	16	51	13	43
III	**Phân loại theo hợp đồng lao động**	**32**	**100**	**30**	**100**
1	Hợp đồng không thời hạn + lao động bổ nhiệm	19	59	19	63
2	Hợp đồng thời hạn 6 tháng	0	0	0	0
3	Hợp đồng thời hạn từ 1 năm đến 3 năm	13	41	11	37

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- **Dự án xây dựng công trình: Trang trại chăn nuôi 160.000 gà giống**

Tổng mức vốn đầu tư dự án 57.912.606.364 đồng. Dự án đã hoàn thành

30/06/2019, đưa vào sử dụng tháng 08/2019.

- **Dự án chăm sóc các vườn cây XDCB:** các vườn cây được chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, sinh trưởng và phát triển tốt.

Công tác đầu tư XDCB của Công ty từ công tác chuẩn bị đến công tác thực hiện và quyết toán dự án được thực hiện theo trình tự quy định, đồng thời công tác quản lý, giám sát có năng lực, kinh nghiệm triển khai thực hiện dự án nên tiến độ hoàn thành dự án đạt kế hoạch đã đề ra.

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	281.238.967.007	297.967.972.055	5,95
Doanh thu thuần	49.742.419.713	62.927.840.134	26,51
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	650.411.206	15.246.428.687	2.244
Lợi nhuận khác	453.522.271	130.757.689	(71,17)
Lợi nhuận trước thuế	1.103.933.477	15.377.186.376	1.293
Lợi nhuận sau thuế	1.103.933.477	12.554.281.870	1.037
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,56	1,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,3	0,54	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,6	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,66	1,52	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,63	2,32	
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,21	0,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,2	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,004	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01	0,24	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

+ Tổng số cổ phần: 10.688.363 CP

+ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.685.763 CP

+ Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/3/2020 (Ngày chốt danh sách cổ đông tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	91	10.685.763	99,98%
	+ Cá nhân	89	3.735.927	34,95%
	+ Tổ chức	2	6.949.836	65,02%
2	Cổ đông nước ngoài			
3	Cổ phiếu quỹ	1	2.600	0,02%
	Tổng Cộng	**92**	**10.688.363**	**100%**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để trồng và chăm sóc cây bao gồm một số loại phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và phân chuồng từ hoạt động chăn nuôi.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Lượng phân chuồng từ hoạt động chăn nuôi sau khi được xử lý sẽ được dùng cho các vườn cây.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ: trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nước sinh hoạt từ Nhà máy nước Phước Vĩnh, nước mặt từ 09 hồ chứa và lượng nước ngầm công ty sử dụng năm 2019, trong đó chủ yếu là tưới cho vườn cây ăn trái 137.160 m^3 nước.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Đến ngày 31/12/2019, Công ty có tổng CBCNV là 34 người. Trình độ CBCNV như sau:

Stt	Trình độ	Số lượng	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	12	40
2	Cao đẳng	3	10
3	Trung cấp, sơ cấp	2	7
4	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	13	43
	Tổng cộng	**30**	**100**

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn phúc lợi của người lao động:

- Thu nhập bình quân của người quản lý được HĐQT bổ nhiệm là 23.085.676 đồng/tháng, thu nhập bình quân của người lao động bình quân đạt 8.356.260 đồng/tháng.

- Trong năm nâng lương đúng thời hạn và giải quyết các chế độ phụ cấp cho người lao động theo quy định.

- Ngoài các trường hợp thử việc, tất cả các CB – CNV đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, kịp thời. Công ty tiếp tục thực hiện Quy chế trả lương, thưởng được HĐQT ban hành năm 2017. Thỏa ước lao động tập thể được ký với công đoàn, đại diện cán bộ công nhân viên và được cấp trên phê duyệt. Công ty thường xuyên rà soát lại những nhân viên hết hạn hợp đồng, đánh giá lại năng lực nếu đạt yêu cầu thì tiếp tục ký hợp đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: không có.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Do tình hình sản xuất kinh doanh còn khó khăn, nên công ty chưa thể thực hiện.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu đạt 63.170 triệu đồng/99.299 triệu đồng, đạt 64% kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 15.377 triệu đồng/14.212 triệu đồng, đạt 108% kế hoạch đề ra.

+ Doanh thu năm 2019 đạt 64% kế hoạch, chủ yếu do giảm doanh thu từ bứng cây sao đen, vì khách hàng dời kế hoạch nhận cây sang năm 2020.

+ Lợi nhuận thực hiện đạt 108% kế hoạch, chủ yếu do tiết giảm được chi phí quản lý 6 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh điều hạt, cao su khai thác, thu mua mủ cao su tăng 2,4 tỷ đồng. Vì vậy, dù lợi nhuận từ hoạt động bán cây đứng sao đen giảm 7,8 tỷ đồng do đối tác dời việc bứng cây sang năm 2020 nhưng lợi nhuận trong năm vẫn tăng so với kế hoạch.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: trong năm, công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ về thu nộp ngân sách, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, tiền lương, chế độ kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	34.540.992.567	34.879.132.793
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.074.181.670	3.312.217.271
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.824.967.108	11.617.008.488
IV.	Hàng tồn kho	17.068.603.716	16.167.260.266
V.	Tài sản ngắn hạn khác	573.240.073	3.782.646.768
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	263.426.979.488	246.359.834.214
I.	Các khoản phải thu dài hạn	3.630.000.000	3.630.000.000
II.	Tài sản cố định	211.604.349.207	123.054.048.387
III.	Bất động sản đầu tư		-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	47.884.221.572	117.944.488.653
V.	Đầu tư tài chính dài hạn		-
VI.	Tài sản dài hạn khác	308.408.709	1.731.297.174
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	297.967.972.055	281.238.967.007

b) Tình hình nợ phải trả

		Số dư cuối kỳ này	Khả năng trả nợ
I.	Nợ ngắn hạn	32.335.140.089	32.335.140.089
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	3.897.163.453	3.897.163.453
	Trong hạn	3.897.163.453	3.897.163.453
	Quá hạn trả	-	-
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
	Trong hạn	-	-
	Quá hạn trả	-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.835.453.203	2.835.453.203
	Trong hạn	2.835.453.203	2.835.453.203
	Quá hạn trả	-	-
4.	Phải trả người lao động	526.967.852	526.967.852

	Trong hạn	526.967.852	526.967.852
	Quá hạn trả	-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	401.173.020	401.173.020
	Trong hạn	401.173.020	401.173.020
	Quá hạn trả	-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	3.002.257.563	3.002.257.563
	Trong hạn	3.002.257.563	3.002.257.563
	Quá hạn trả	-	-
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.550.000.000	21.550.000.000
	Trong hạn	21.550.000.000	21.550.000.000
	Quá hạn trả	-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	121.049.057	121.049.057
13.	Quỹ bình ổn giá	-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
II.	Nợ dài hạn	147.195.532.063	147.195.532.063
1.	Phải trả người bán dài hạn	236.532.063	236.532.063
	Trong hạn	236.532.063	236.532.063
	Quá hạn trả	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	21.820.000.000	21.820.000.000
	Trong hạn	21.820.000.000	21.820.000.000
	Quá hạn trả	-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	19.664.000.000	19.664.000.000
	Trong hạn	19.664.000.000	19.664.000.000

	Quá hạn trả	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	105.475.000.000	105.475.000.000
	Trong hạn	105.475.000.000	105.475.000.000
	Quá hạn trả	-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
	TỔNG CỘNG	179.530.672.152	179.530.672.152

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp để nâng cao hình ảnh thương hiệu của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Ngoài việc thu mua mủ cao su và khai thác nông sản; công ty đầu tư xây dựng thêm các trang trại chăn nuôi heo, gà để cho thuê. Đây là hoạt động ít rủi ro, nguồn thu tương đối ổn định.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Hoạt động của công ty không ảnh hưởng xấu đến môi trường, xã hội và người lao động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm, công ty đã gặp nhiều khó khăn từ dịch bệnh trên cây trồng, thời tiết cực đoan, giá nông sản bấp bênh. Nhưng tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng phát huy nội lực, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Trong năm, không xảy ra cháy rừng, không để cây trồng chết do khô hạn.

Ban Tổng giám đốc có nhiều kinh nghiệm trong ngành, cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, luôn có tinh thần trách nhiệm cao và ý thức làm việc hiệu quả, nỗ lực nâng cao chất lượng công việc, hoạt động của công ty đi vào nền nếp.

Với những kết quả đạt được trong những năm qua, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong những năm tới: ngoài việc thu mua mủ cao su và khai thác nông sản; công ty đầu tư xây dựng thêm các trang trại

chăn nuôi heo, gà nuôi gia công và linh động chuyển sang cho thuê nếu có hiệu quả cao hơn.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Bình Dương.

Chi tiết Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin trên website: http://www.cpnonglamnghiepbinhduong.vn/ chuyên mục Cổ đông và nhà đầu tư.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Bùi Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG
DN: C=VN, S=Bình Dương, L=Huyện Phú Giáo, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG LÂM NGHIỆP BÌNH DƯƠNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3701815415
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2020-05-05 15:26:59
Foxit Reader Version: 9.4.0